

# Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam

Ngô Văn Vũ<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: ngovu68@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 01 năm 2017.

**Tóm tắt:** Ở Việt Nam, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Trong hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội còn biểu hiện gay gắt. Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, thì cần phải có những giải pháp thiết thực hơn nữa.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, công bằng xã hội.

**Abstract:** In Vietnam, the relationship between economic growth and social progress and equity has always been paid attention to by the Party and State. Over the past 30 years of *đổi mới* (renovation), the country has made sizable achievements in socio-economic development. However, the conflict between economic and social development remains fierce. For the good handling of the relationship, there need to be more practical solutions.

**Keywords:** Economic growth, social progress, social equity.

## 1. Mở đầu

Tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội là hai tiêu chí phát triển của xã hội. Chính sách của các nhà nước nhìn chung đều nhằm thực hiện cả hai tiêu chí đó. Tuy nhiên, chính sách chú trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh có thể gây ra bất bình đẳng (về thu nhập, cơ hội học tập, tiếp cận dịch vụ xã hội) và làm cho nghèo đói gia tăng, thậm chí có thể làm phát sinh các mâu

thuẫn xã hội. Ngược lại, chính sách chú trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có thể làm triệt tiêu các động lực tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đang chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong bối cảnh đó, vấn đề giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội càng trở

nên cấp thiết. Bài viết khái quát hóa quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, phân tích kết quả thực hiện quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam; đưa ra các giải pháp để thực hiện tốt hơn quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện mới.

## **2. Quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội**

Trải qua các giai đoạn phát triển của đất nước, từ nhận thức đúng đắn tính thống nhất và mâu thuẫn trong quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước đề ra những quan điểm, chủ trương đúng đắn để xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tư tưởng đó dần được hoàn thiện qua các kỳ đại hội của Đảng.

*Giai đoạn 1986-1990*, Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới, được đánh dấu bằng Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986). Đại hội VI, lần đầu tiên đặt vấn đề về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các mục tiêu xã hội khi xác định: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế” [1, tr.86].

*Giai đoạn 1991-1995*, định hướng gắn kết tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội thể hiện trong nội dung Cương lĩnh năm 1991. Các định hướng chính sách lớn trong giai đoạn 1991-1995 tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển các thành phần

kinh tế, hình thành các thị trường nhân tố sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế thị trường. Chính sách xã hội bắt đầu tập trung vào giải quyết những vấn đề cơ bản nhất, đó là cải cách và đổi mới chính sách tiền lương cho phù hợp khi chuyển đổi sang cơ chế thị trường, xây dựng hệ thống an sinh xã hội, trong đó có chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và chăm sóc sức khỏe cho cả đối tượng ngoài khu vực nhà nước. Văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định: “Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế” [2, tr.73]. Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994), mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được Đảng xác định một cách rõ ràng hơn: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển” [2, tr.53].

*Giai đoạn 1996-2000*, bên cạnh tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao với mục tiêu tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước (tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng từ 9%-10% hàng năm), quan điểm về phát triển xã hội nhấn mạnh thêm vấn đề tạo việc làm, giảm thất nghiệp và xóa đói giảm nghèo (XDGN). Định hướng chính sách nhằm tăng gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội đã cụ thể hơn. Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng nêu: “Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức

xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội” [3, tr.205].

*Giai đoạn 2001-2005*, quan điểm của Đảng về tăng trưởng có sự thay đổi rõ nét, đó là tăng trưởng nhanh, nhưng bền vững. Mục tiêu về tốc độ tăng GDP khoảng 7,5% hàng năm, tức thấp hơn giai đoạn trước; đồng thời cần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Việc tiếp tục thực hiện công bằng xã hội thể hiện qua quan điểm chính là tạo chuyển biến mạnh về giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người, tạo việc làm và cơ bản XDGN. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [4, tr.162].

*Giai đoạn 2006-2010*, Đảng chủ trương thực hiện các định hướng chính sách lớn trong giai đoạn này theo hướng kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội thông qua chính sách kinh tế. Đại hội lần thứ X, Đảng đã thể hiện sâu sắc hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội khi coi đây là một trong những nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội Đảng nêu: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội” [6, tr.77].

*Giai đoạn 2011-2016*, Đảng khẳng định rằng, tiến bộ xã hội và công bằng xã hội là hai mục tiêu song trùng của sự phát triển xã

hội; mục đích tối cao của tăng trưởng kinh tế là nhằm phát triển con người; mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xét cho cùng, là để giải phóng những giá trị văn hóa tích cực nhất cho loài người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; mặt khác, tăng trưởng kinh tế đồng thời giúp con người có nhiều cơ hội, khả năng tiếp nhận các giá trị văn hóa, đưa xã hội tiến lên những nấc thang mới trong lịch sử nhân loại. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: “kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần” [7, tr.79]. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân” [9, tr.299]. Như vậy, trong thời kỳ đổi mới Đảng luôn chủ trương phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội; coi hai mục tiêu này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó tăng trưởng kinh tế là cơ sở, làm tiền đề và điều kiện cho nhau, ngược lại, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là điều kiện quan trọng thúc đẩy và bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

### **3. Kết quả thực hiện quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội**

#### *3.1. Những thành tựu*

Chủ trương thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội được phát triển qua các kỳ Đại hội Đảng đã tạo nên tính năng động, sáng tạo của các tầng

lớp nhân dân, huy động được các nguồn lực để phát triển kinh tế, nhờ đó kinh tế Việt Nam đã phát triển nhanh và liên tục.

Việt Nam xác định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đảng khẳng định chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người với tư cách từng cá nhân và cả cộng đồng đều có cơ hội phát triển, sử dụng tốt năng lực của mình. Chủ trương đó của Đảng đã được Chính phủ thể chế hóa thành các chính sách cụ thể. Nhờ vậy, sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Việt Nam đã thực hiện về cơ bản nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nhờ đó, công bằng xã hội được bảo đảm. Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều chính sách nhằm: phát triển giáo dục, khoa học, y tế, văn hóa; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo; mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ đối với người có công; hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo. Theo số liệu thống kê, “trong 5 năm đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người, trong đó, đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người” [9, tr.238].

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Trong những năm gần đây, việc chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ đã góp phần hạ thấp đáng

kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh có tính phổ biến trước đây, đặc biệt không chế thành công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS), dịch bệnh truyền nhiễm cấp tính (virut Zika), v.v.. Tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,3 tuổi vào năm 2015 [9, tr.239]. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tăng<sup>2</sup>. Diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng từ 17,5m<sup>2</sup> năm 2010 lên 22m<sup>2</sup> năm 2015 [9, tr.239]. Nhiều người dân có thu nhập thấp và tầng lớp yếu thế được hỗ trợ về nhà ở.

Trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế, Việt Nam đã rất chú trọng hướng vào con người, nhất là những người nghèo. Tỷ lệ giảm nghèo từ khoảng 60% vào năm 1990 xuống còn 18,1% vào năm 2004, và kết thúc năm 2011, tỷ lệ nghèo cả nước giảm chỉ còn 14%. Tính bình quân trong giai đoạn từ năm 2010 - 2015, tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 2%/năm, từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015 [9, tr.238]. Năm 2008, Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đặt ra cho năm 2015. Số hộ nghèo giảm từ 29% năm 2002 xuống còn 9,5% năm 2011; chỉ số HDI tăng từ mức 0,683 năm 2000 lên mức 0,728 năm 2011, xếp thứ 128/187 nước, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Việt Nam xếp 129 trên tổng số 182 nước. Điều này cho thấy sự phát triển kinh tế của Việt Nam có xu hướng phục vụ sự phát triển con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội khá hơn so với một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao [10, tr.5-6].

Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân

được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng vững chắc.

### 3.2. Những hạn chế

Một là, việc tổ chức triển khai thực hiện quan điểm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn chưa đồng bộ và triệt để. Do sức ép về tăng trưởng kinh tế nên nhiều ngành, nhiều địa phương ít quan tâm đến phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong khi quy hoạch và xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nơi mới chỉ tập trung vào lợi ích kinh tế, chưa chú ý đúng mức thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trên thực tế đã cho thấy, tăng trưởng nhanh (tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,68%) nhưng tính ổn định chưa cao; tăng trưởng nhanh nhưng chưa bền vững; tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, ít dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao. Do vậy, tăng trưởng chưa đi đôi với giảm bất bình đẳng thu nhập và chênh lệch giàu - nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng trưởng kéo theo những hệ lụy như: gây ô nhiễm môi trường xã hội, hủy hoại môi trường tự nhiên, v.v..

Hai là, văn hóa phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Đầu tư cho phát triển văn hóa ít hiệu quả. Một số chính sách chưa phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi; hệ thống thiết chế văn

hóa chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, dẫn đến nhiều di sản văn hóa, cả vật thể và phi vật thể không được giữ gìn, tôn tạo. Tình trạng mất dân chủ, cửa quyền, quan liêu, xuống cấp về tư tưởng, đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Tệ nạn xã hội và tội phạm (nhất là trong lớp trẻ) gia tăng đáng lo ngại. Chưa khắc phục được sự yếu kém trong quản lý nhà nước về văn hóa. Cuộc đấu tranh ngăn ngừa văn hóa phẩm độc hại (nhất là trên mạng internet) còn bất cập. Văn học, nghệ thuật còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật. Một số cơ quan báo chí chưa thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích.

Ba là, số người nghèo, thất nghiệp còn nhiều. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và nhất là tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn còn cao. Xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo còn nhiều. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nêu: “Nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng sâu, vùng xa, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (một số huyện, xã lên đến 50%). Một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao và chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo” [9, tr.256]. Khoảng cách chênh lệch giữa tầng lớp có thu nhập cao và tầng lớp có thu nhập thấp ngày càng gia tăng do cơ hội và thành quả tăng trưởng kinh tế không được chia sẻ một cách đồng đều, mà lại có lợi cho nhóm người vốn đã có cuộc sống khá giả hơn.

Bốn là, khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân còn hạn chế. Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng nhưng phân bố chưa hợp lý, chưa thuận tiện cho người dân. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Việc khắc phục tình

trạng quá tải bệnh viện còn chậm [9, tr.257]. Cơ chế, chính sách bảo hiểm y tế, thu viện phí và khám, chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn bất cập. Sự đầu tư và sự hưởng thụ về giáo dục, sức khỏe và các dịch vụ khác ngày càng nghiêng về phía người có nhiều tiền sống ở thành thị. Tuổi thọ bình quân tuy tăng cao, nhưng chất lượng sống của người dân chưa cao. Trong xã hội, với khoảng 20% số hộ thu nhập cao nhất thì xuất hiện ngày càng nhiều những biểu hiện làm giàu bất chính (như: tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp), gây ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội. Tham nhũng xảy ra ở hầu hết các ngành, các cấp, thậm chí xảy ra ngay trong các cơ quan có chức năng chống tham nhũng [10, tr.6-7].

#### **4. Giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn quan điểm của Đảng về tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội**

*Thứ nhất*, hoàn thiện mô hình tổng quát giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030. Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam lựa chọn trong giai đoạn tới tiếp tục phải là mô hình “gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh” [9, tr.281]. Nội dung chính của mô hình này là: thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế nhanh với công bằng xã hội ngay từ đầu khi xây dựng, thực thi chính sách kinh tế - xã hội và trong toàn bộ tiến trình phát triển; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa cả ba mặt là kinh tế, xã hội và môi trường.

*Thứ hai*, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nhanh và bền vững. Cụ thể là: tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường; phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các yếu tố, các loại thị trường trong nước; mở rộng, đa dạng hóa thị trường ngoài nước; phát huy đồng bộ các thành phần kinh tế; đề cao vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhằm huy động tốt nhất mọi nguồn lực trong dân. Tập trung thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là thực hiện thành công ba khâu đột phá chiến lược; thực hiện mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, hiệu quả và lợi thế so sánh, hướng tới mục tiêu dài hạn, bền vững, hiệu quả và vì con người; hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng ngành, từng địa phương.

*Thứ ba*, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh. Nội dung cụ thể của giải pháp này là: nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, an toàn để nền kinh tế vận hành thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong

phát triển kinh tế; thực thi chính sách phát triển kinh tế đi đôi với phát triển y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, thí điểm hình thành cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công - tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích; đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; khuyến khích, hỗ trợ cho mọi ý tưởng sáng tạo, thúc đẩy đổi mới, phát triển, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, v.v..

*Thứ tư*, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, các công cụ điều tiết, chính sách phân phối để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Xây dựng và hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo lộ trình phù hợp, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động đang làm việc, cũng như người đã nghỉ hưu theo chế độ.

*Thứ năm*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nội dung cụ thể của giải pháp này là: xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam; ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; xây dựng các cơ

chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa và phát triển con người; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò của thông tin truyền thông; phát triển, hoàn thiện, sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa; giảm sự chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa giữa các giai tầng, các nhóm xã hội.

*Thứ sáu*, phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững trên nền tảng dân chủ, khoa học, thượng tôn pháp luật. Cùng với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, quản lý phát triển xã hội hợp thành khâu trung tâm của chiến lược phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh. Quản lý phát triển xã hội phải tập trung vào việc xây dựng mô hình phát triển xã hội hợp lý, đặt trọng tâm vào việc mở rộng giai tầng xã hội có thu nhập thấp trên cơ sở không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

## 5. Kết luận

Ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, chuyển đổi kinh tế từ kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã lựa chọn mô hình gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Điều này thể hiện ngay trong các văn kiện của Đảng. Quan điểm đó của Đảng được cụ thể hóa trong các chính sách của Nhà nước.

Việt Nam là một trong số quốc gia có thành tựu về kinh tế, xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục chăm sóc sức khỏe cho

người dân. Đó là những bằng chứng rõ nhất chứng minh tính đúng đắn của mô hình kết hợp tiến bộ và công bằng xã hội gắn với tăng trưởng kinh tế mà Việt Nam đã lựa chọn.

### Chú thích

<sup>2</sup> Cuối năm 2015, có trên 12 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, khoảng 10 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và 75% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận (2005), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận (2015), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Lê Thị Thanh Hà (2016), “Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2 (99).
- [11] Lương Thị Huyền Trang (2013), “Quan điểm của Đảng ta về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa”, Tạp chí *Triết học*, số 2.
- [12] Nguyễn Phú Trọng (2011), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] <http://www.qdnd.vn/>, ngày 24/12.
- [14] <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, ngày 26/9.